

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Charm Long Hải Resort & Spa tại thị trấn Long Hải,
huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc
môi trường;*

*Xét ý kiến của các cơ quan, tổ chức, chuyên gia được lấy ý kiến thẩm định
báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Charm Long Hải Resort &
Spa tại thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Charm
Long Hải Resort & Spa tại thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa –
Vũng Tàu đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 05PD/2021 ngày
31/5/2021 của Công ty TNHH Du lịch Khách sạn Phúc Đạt;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
366../TTr-STNMT ngày 11 tháng 6 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự
án Charm Long Hải Resort & Spa do Công ty TNHH Du lịch Khách sạn Phúc
Đạt làm Chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ đầu tư dự án), được thực hiện tại thị trấn

Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Long Điền chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hải theo dõi, giám sát việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường, quản lý chất thải của Chủ đầu tư dự án trong quá trình triển khai thực hiện nhằm bảo đảm không gây ảnh hưởng tiêu cực đến các đối tượng xung quanh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Điền, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ đầu tư dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Cty TNHH KS DL Phúc Đạt - Chủ đầu tư dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Điền;
- UBND thị trấn Long Hải;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT, HS, KT7.

(6)



Nguyễn Công Vinh



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN CHARM LONG HẢI RESORT & SPA

(Kèm theo Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Charm Long Hải Resort & Spa.

1.2. Chủ dự án

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH Du lịch Khách sạn Phúc Đạt.

- Địa chỉ: Khu phố Hải Trung, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3. Phạm vi, quy mô công suất dự án

Theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1188/QĐ-UBND ngày 05/05/2021 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Quyết định số 3500/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết 1/500 của dự án, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích: 45.282,5 m²

- Quy mô phục vụ: 2.000 người/ngày đêm

1.4. Các hạng mục, công trình chính của dự án

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Quy mô
I	Đất xây dựng công trình	17.857,89	
1	Khối khách sạn A	9.728,67	12 tầng nổi + sân thượng, 1 tầng hầm
2	Khu biệt thự du lịch	7.714,69	24 căn biệt thự 3 tầng + Sân thượng
3	Công trình dịch vụ	333,49	
4	Khối phụ trợ (Nhà bảo vệ)	81,04	
II	Đất cây xanh và thể dục thể thao	11.802,03	
III	Mặt nước cảnh quan	3.987,71	
IV	Đất hạ tầng	11.634,79	
	Tổng (I+II+III+IV)	45.282,50	

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

STT	Các hoạt động của dự án	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
1. Giai đoạn xây dựng	- Hoạt động phát quang cây cối. - Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ cho giai đoạn thi công xây dựng. - Hoạt động tập kết nguyên vật liệu. - Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của dự án. - Sinh hoạt của công nhân thi công.	- Bụi do quá trình phát quang. - Bụi và khí thải từ các hoạt động thi công (đào đắp, sơn, chà nhám,...) - Bụi và khí thải từ các phương tiện máy móc thiết bị... - Tiếng ồn. - Nước thải sinh hoạt. - Nước thải xây dựng. - Chất thải rắn xây dựng. - Chất thải rắn sinh hoạt. - Chất thải rắn công nghiệp thông thường. - Chất thải nguy hại.
2. Giai đoạn hoạt động	- Hoạt động đun nấu. - Hoạt động của các phương tiện giao thông của Dự án. - Hoạt động của máy phát điện. - Hoạt động của trạm xử lý nước thải. - Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách lưu trú. - Hoạt động lưu giữ, tập kết chất thải.	- Bụi, khí thải. - Tiếng ồn. - Nước thải sinh hoạt. - Chất thải nguy hại. - Chất thải rắn sinh hoạt.

2.2. Quy mô tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng



- Nước thải sinh hoạt: khoảng 5,4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất ô nhiễm hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli), các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS)....

- Nước thải xây dựng: Phát sinh từ quá trình xít rửa phương tiện vận chuyển, hoạt động khoan cọc nhồi. Tổng lượng phát sinh khoảng 13,3 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải: chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ...

2.2.2. Giai đoạn vận hành

Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành khoảng 668 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất ô nhiễm hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli), các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS)....

Nước rỉ rác, nước vệ sinh nhà chứa rác, thùng rác khoảng 6,2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất ô nhiễm hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli), các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS)....

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ cho giai đoạn thi công xây dựng.

- Bụi phát sinh do quá trình phát quang cây cối, đào tầng hầm, đào móng, hệ thống thoát nước, bể tự hoại.

- Bụi và khí thải phát sinh từ các máy móc, thiết bị thi công xây dựng bao gồm bụi, NO_x, SO₂, CO, VOC...

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu.

- Khí thải từ các hoạt động cơ khí gồm khói hàn, NO_x, CO.

- Bụi phát sinh từ quá trình chà nhám.

- Khí thải từ các hoạt động sơn gồm hơi dung môi VOCs.

2.3.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

- Khí thải từ nhà bếp.

- Mùi hôi phát sinh từ quá trình phân hủy rác thải tại phòng chứa rác và khu vực tập kết rác.

- Mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

2.4.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Sinh khối thực vật phát quang: khoảng 5 tấn.
- Chất thải rắn xây dựng: phát sinh trong quá trình thi công gồm bao bì xi măng, sắt thép vụn, gạch đá, xà bần ... với khối lượng khoảng 2.067 tấn.
- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của công nhân trên công trường (120 người), tổng khối lượng khoảng 84 kg/ngày.

2.4.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, khách với khối lượng khoảng 3.090 kg/ngày. Thành phần như thực phẩm, rau, củ quả hư hỏng, thức ăn dư thừa, nhựa, plastic, thủy tinh, vỏ hộp kim loại, giấy, ...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công khoảng 192 kg, bao gồm bóng đèn huỳnh quang thải, dầu máy tổng hợp thải, pin, acquy thải, giẻ lau, bao tay nhiễm thành phần nguy hại, ...

2.5.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại giai đoạn vận hành bao gồm bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau thải, bao bì mềm thải, bao bì cứng thải bằng nhựa, pin thải, ắc quy thải, ... với khối lượng khoảng 120 kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Chủ dự án sử dụng 06 nhà vệ sinh di động phục vụ cho sinh hoạt của công nhân tại công trường.

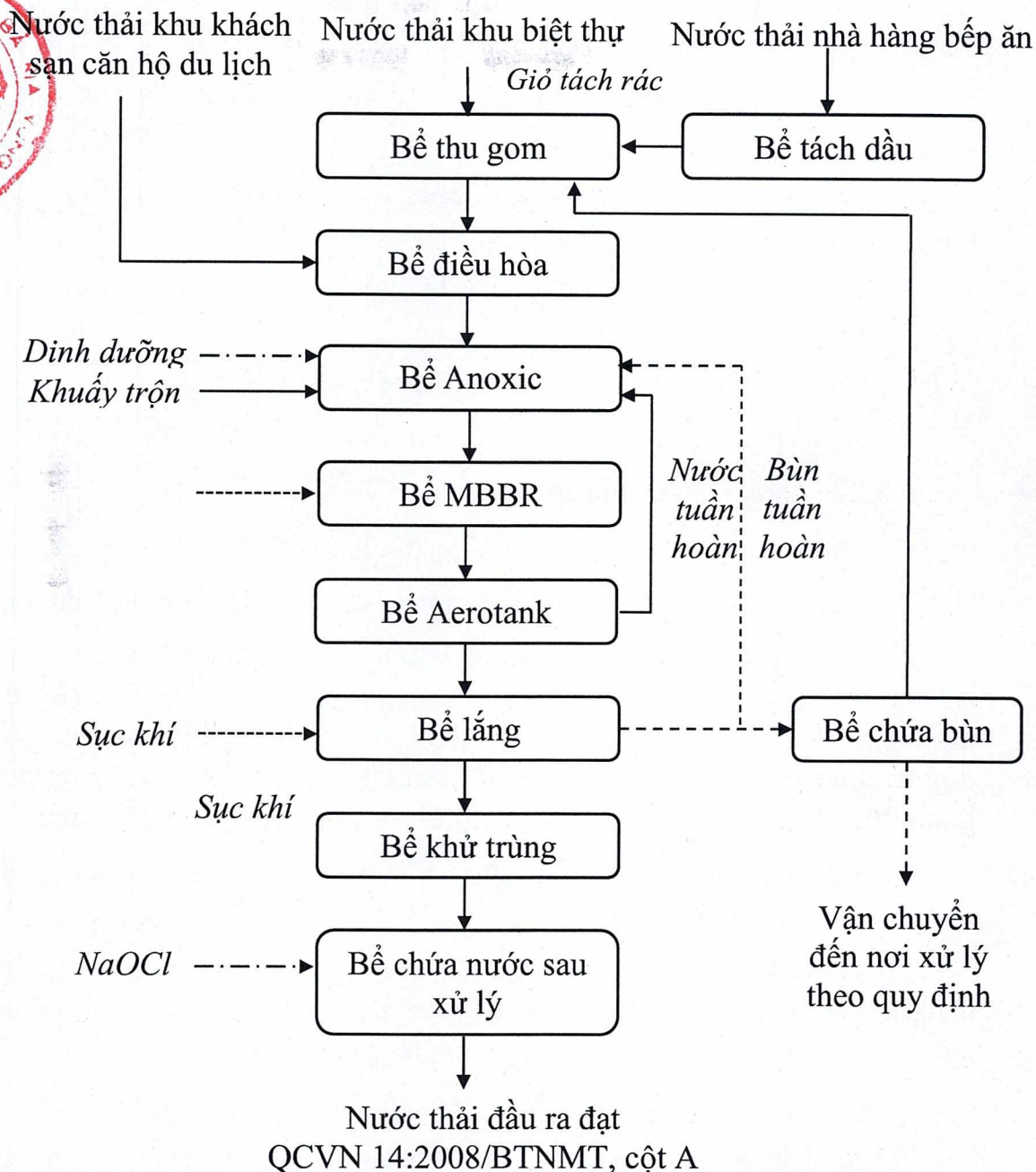
- Nước thải xây dựng: được thu gom vào hố lắng tại công trường để lắng cặn, tách dầu. Hố lắng được bố trí gần cổng ra vào của dự án: Kích thước ngăn tách dầu 3x2,5x2 (m); kích thước ngăn lắng 3x2,5x2 (m).

3.1.2. Thu gom và xử lý nước thải giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước rò rỉ từ quá trình lưu chứa chất thải rắn và nước vệ sinh các thùng chứa rác được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi thoát vào hệ thống thoát nước của khu vực trên đường tỉnh lộ 44A theo Quyết định số 3500/QĐ-UBND ngày 19/11/2020.

- Công suất thiết kế: 715 m³/ngày đêm

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau:



3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.
- Dùng bạt che phủ xe chở nguyên vật liệu.
- Phun nước trên các tuyến đường nội bộ và trên công trường với tần suất phun 2 lần/ngày.
- Có kế hoạch thi công và kế hoạch cung cấp vật tư thích hợp, thi công cuốn chiếu, hạn chế việc tập kết vật tư tập trung vào cùng một thời điểm.
- Che chắn toàn bộ công trình xây dựng, thi công đến đâu che chắn đến đó.

- Sử dụng lưới bằng sợi HDPE bao quanh toàn bộ công trình và khu cao tầng.
- Sử dụng vòi nước áp lực để rửa xe vận chuyển đất, cát trước khi rời khỏi công trường.
- Sử dụng các phương tiện, thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng và đăng kiểm định kỳ, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải.
- Sử dụng máy chà nhám có hệ thống hút bụi, lắp đặt thiết bị phun sương từ trên xuống trong quá trình chà nhám.
- Che chắn khu tập kết vật liệu, khu vực đun, chứa nhựa đường có mái che.
- Bố trí các biển báo hiệu tại công trường.

3.2.2. Giai đoạn vận hành

- Bảo đảm diện tích cây xanh theo đúng quy định.
- Thường xuyên tưới rửa đường trong khuôn viên thực hiện dự án.
- Bố trí công nhân chuyên trách vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ hướng dẫn vận hành, đảm bảo vận hành thường xuyên, liên tục hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống phân phối khí và sục khí để duy trì điều kiện hiếu khí đối với bể hiếu khí của hệ thống xử lý nước thải nhằm giảm thiểu việc phát sinh các khí gây mùi, sử dụng chế phẩm khử mùi.
- Tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải định kỳ theo đúng quy định.
- Trang bị các thùng chứa rác có nắp đậy, các phòng chứa rác được vệ sinh hàng ngày, tránh để rác rơi vãi ra bên ngoài, nước rỉ gây mùi, hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày, không lưu giữ qua đêm.
- Đảm bảo ống khói máy phát điện có chiều cao phù hợp.

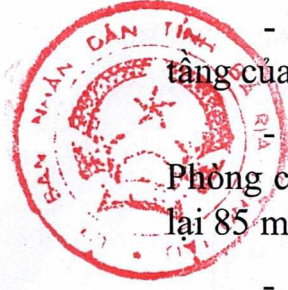
3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí các thùng rác loại 120L tại công trường. Khu tập kết rác sinh hoạt có diện tích 12 m². Ký hợp đồng với đơn vị thu gom địa phương đến thu gom rác và đưa đi xử lý 01 lần/ngày theo đúng quy định.
- Chất thải xây dựng: bố trí kho chứa tạm 10 m², khu vực có mái che và gờ bao xung quanh; thu gom, phân loại và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom mang đi xử lý đúng theo quy định.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

- Phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.



- Bố trí phòng chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích khoảng 4-5 m² tại từng tầng của khu khách sạn.

- Khu vực chứa rác tập trung: bố trí tại tầng hầm của khối khách sạn A gồm: Phòng chứa chất thải rắn có khả năng tái chế 44 m², phòng chứa chất thải rắn còn lại 85 m².

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý hằng ngày.

3.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Bố trí kho chứa tạm chất thải nguy hại trên công trường có diện tích 8m². Khu vực lưu chứa được thiết kế theo đúng quy định, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 9 m² tại tầng hầm khối khách sạn A, thiết kế theo đúng quy định của Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

3.4.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

3.5.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Bố trí lịch làm việc của các phương tiện lịch về thời gian hoặc không gian làm việc nhằm hạn chế tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Tránh hoạt động máy móc vào các khoảng thời gian như nghỉ trưa, ban đêm để tránh gây phiền nhiễu đến các đối tượng xung quanh;

- Sử dụng thiết bị, máy móc hiện đại, ít ồn, các thiết bị, máy móc sử dụng thì công được đăng kiểm định kỳ và bảo trì, bảo dưỡng để đảm bảo hoạt động tốt, độ ồn, rung phát sinh thấp.

3.5.2. Giai đoạn vận hành

- Máy phát điện được bố trí trong phòng kín và lắp vật liệu tiêu âm để giảm tiếng ồn;

- Chọn sử dụng các thiết bị có độ ồn nhỏ;

- Kiểm tra, bảo trì định kỳ: bôi trơn, thay thế, sửa chữa các chi tiết hư hỏng hoặc có dấu hiệu không đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Sự cố cháy nổ

3.6.1.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

- Không tích lũy nguyên vật liệu dễ gây ra cháy nổ tại công trường;

- Công nhân trực tiếp thi công, vận hành máy móc phải được huấn luyện và thực hành đúng thao tác và đúng quy trình kỹ thuật;

- Bố trí hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện bảo đảm thật an toàn;

- Bố trí các bình cứu hỏa cầm tay ở những vị trí thích hợp nhất để tiện sử dụng, các phương tiện chữa cháy luôn kiểm tra thường xuyên và đảm bảo trong tình trạng sẵn sàng;

- Tổ chức huấn luyện phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân.

3.6.1.2. Giai đoạn vận hành

- Lập hồ sơ phòng cháy chữa cháy riêng trình cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt trước khi đi vào hoạt động chính thức và tổ chức thực hiện theo quy định;

- Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm, qui định về phòng cháy chữa cháy trong quá trình xây dựng từ khâu chuẩn bị thiết kế, thi công đến nghiệm thu đưa vào sử dụng;

3.6.2. Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải.

- Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Trang bị các thiết bị dự phòng.

- Có cán bộ theo dõi thường xuyên việc vận hành hệ thống, xây dựng phương án bơm ngược nước thải về hệ thống xử lý khi xảy ra sự cố dẫn đến nước

thải đầu ra không đạt tiêu chuẩn cho phép.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

STT	Công trình/ biện pháp BVMT	Đơn vị	Số lượng
01	Phòng chứa chất thải rắn có khả năng tái chế 44 m ²	phòng	01
02	Phòng chứa chất thải rắn còn lại 85m ²	Phòng	01
03	Phòng chứa chất thải nguy hại 9 m ²	Phòng	01
04	Hệ thống xử lý nước thải 715 m ³ /ngày đêm	Hệ thống	01

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát không khí

- Vị trí giám sát: 01 điểm giữa khu vực thi công xây dựng và 01 điểm ở khu vực cổng vào công trình xây dựng.

- Thông số giám sát: bụi, tiếng ồn, NO₂, SO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy định hiện hành: QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại hố ga cuối trước khi thải vào hệ thống thoát nước của khu vực

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng, Amoni, Tổng nitơ, Tổng P, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Quy định hiện hành: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn

- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần, tình hình thu gom và xử lý chất thải, chứng từ chuyển giao chất thải.

- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn thông thường và nguy hại.

- Thực hiện theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Thực hiện việc giám sát chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại

5.3.1. Giám sát môi trường không khí

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, lưu lượng, bụi, NO_x, SO₂, CO.
- Vị trí giám sát: 02 điểm tại ống khói của 02 máy phát điện dự phòng, tiếng ồn tại khu vực để máy phát điện dự phòng.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.3.2. Giám sát chất lượng nước thải

- Thông số giám sát: lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng Coliforms.
- Vị trí giám sát: 01 điểm tại hồ ga cuối trước khi thải vào hệ thống thoát nước của khu vực..
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

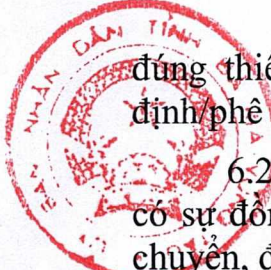
5.3.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần, tình hình thu gom và xử lý chất thải, chứng từ chuyển giao chất thải.
- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn thông thường và nguy hại.
- Thực hiện theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chủ dự án phải cam kết thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Thực hiện thi công xây dựng dự án theo



đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định.

6.2. Không được vận chuyển đất, đá dôi dư ra khỏi khu vực dự án khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Cam kết thực hiện vận chuyển, đổ chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công dự án theo quy định pháp luật hiện hành và phương án, vị trí, địa điểm được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận.

6.3. Kiểm tra, giám sát hoạt động thi công xây dựng và vận hành dự án bảo đảm không gây tác động tiêu cực đến môi trường, đến an toàn các hạng mục công trình dự án và các đối tượng xung quanh khác.

6.4. Chỉ được đi vào vận hành sau khi đầu tư hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

6.5. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.6. Thực hiện tuân thủ Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh.

6.7. Lập và gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

6.8. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.9. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, phải lập tức dừng ngay mọi hoạt động, báo cáo UBND huyện Long Điền, Sở Tài nguyên và Môi trường, kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án.

6.10. Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát theo đúng quy định.

6.11. Định kỳ 06 tháng/lần báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.